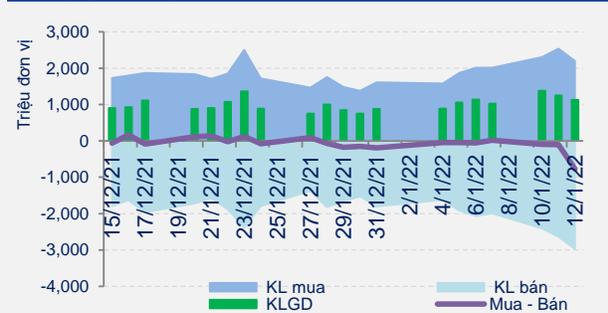
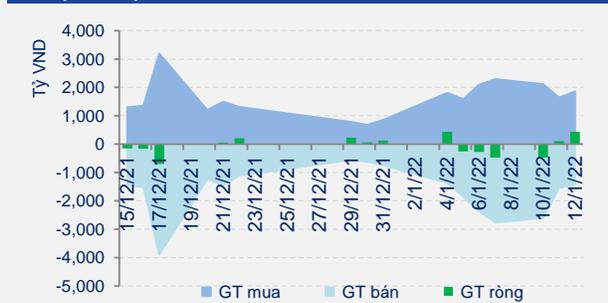


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,510.51	473.64
% Thay đổi	↑ 1.22%	↓ -1.65%
KLGD (CP)	1,130,818,649	148,395,969
GTGD (tỷ đồng)	35,708.71	4,699.87
Tổng cung (CP)	2,973,763,200	223,212,400
Tổng cầu (CP)	2,200,871,500	163,112,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	35,795,300	414,998
KL mua (CP)	40,101,900	1,388,740
GT mua (tỷ đồng)	1,856.84	42.29
GT bán (tỷ đồng)	1,423.79	7.14
GT ròng (tỷ đồng)	433.05	35.15

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.61%	23.0	3.5	1.2%
Công nghiệp	↓ -2.00%	25.5	3.5	15.8%
Dầu khí	↑ 2.40%	19.4	2.0	2.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.04%	-	10.1	2.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.77%	17.0	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.73%	22.8	3.9	10.3%
Ngân hàng	↑ 3.68%	11.9	2.4	17.9%
Nguyên vật liệu	↑ 1.29%	11.0	2.6	9.0%
Tài chính	↓ -0.36%	22.2	3.9	36.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.58%	17.1	2.7	3.3%
VN - Index	↑ 1.22%	17.7	3.2	
HNX - Index	↓ -1.65%	26.2	5.6	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Vậy là chỉ trong hơn 1 tháng, VN-Index đã có ba lần thử thách tâm lý nhà đầu tư khi có những nhịp giảm tương đối mạnh về vùng hỗ trợ được tạo bởi đường trung bình 20 ngày và 50 ngày với thanh khoản đều cao hơn mức trung bình. Rất may là trong cả ba lần, cầu bắt đáy trong vùng hỗ trợ đều xuất hiện giúp thị trường hồi phục trở lại. Trong phiên hôm nay, sự đảo chiều tương đối ngoạn mục của nhóm cổ phiếu trụ cột mà tiêu biểu là nhóm ngân hàng đã giúp thị trường từ mức giảm 28 điểm vào cuối phiên sáng hồi phục trong phiên chiều và kết phiên ở mức cao nhất với mức tăng 18 điểm. Có thể kể đến các mã như STB (+6,9%), TPB (+7%), TCB (+4%), MBB (+4,7%), SHB (+5,5%), CTG (+3,5%), VPB (+3,2%), BID (+7%), MSB (+5,3%), ACB (+1,1%), HDB (+5,6%)... Bên cạnh đó, một số trụ cột khác thuộc nhóm VN30 (+2,02%) cũng trở lại ấn tượng như HPG (+2,4%), VRE (+5,3%), KDH (+1,3%), GVR (+0,5%), GAS (+4,5%), FPT (+0,1%), MWG (+3,2%), PLX (+1,3%), BVH (+0,4%) giúp củng cố đà tăng của thị trường. Cổ phiếu chứng khoán cũng hòa vào sắc xanh của thị trường chung với nhiều mã tăng mạnh như SSI (+5%), VND (+4,7%), SHS (+4,7%), VCI (+2,5%), HCM (+2,3%), MBS (+2,9%)..., thậm chí CTS (+6,9%) còn tăng trần. Chiều ngược lại, cổ phiếu bất động sản tăng nóng trong thời gian trước đó bị bán mạnh khiến nhiều mã giảm sàn DIG (-6,9%), CEO (-9,9%), TCH (-6,9%), SCR (-6,9%), LDG (-7%), ITA (-6,9%), NBB (-6,9%), HQC (-7%), DRH (-6,9%), CRE (-7%)... Kết phiên, VN-Index tăng 18,2 điểm (+1,22%) lên 1.510,51 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 319 mã giảm, 44 mã tham chiếu, 214 mã tăng khi mà sắc xanh chủ yếu chỉ tập trung ở nhóm vốn hóa lớn.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau ba phiên giảm điểm liên tiếp thì cuối cùng thị trường đã có sự hồi phục trở lại trong phiên hôm nay sau khi chỉ số VN-Index test thành công vùng hỗ trợ 1.475-1.490 điểm (MA20-50). Dòng tiền có dấu hiệu quay trở lại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn mà đại diện là chỉ số VN30 (+2,02%) với thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay là cao nhất từ tháng 11/2021 đến nay. Sau phiên tăng này thì VN-Index đã lấy lại được ngưỡng tâm lý 1.500 điểm, điều này sẽ giúp cho tâm lý nhà đầu tư trở nên tích cực hơn và xu hướng có khả năng sẽ tiếp diễn trong thời gian tới để hướng đến các vùng kháng cự tiếp theo. Tất nhiên là những rung lắc có thể diễn ra khi VN-Index tiến vào vùng kháng cự. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 13/1, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã gia tăng tỷ trọng cổ phiếu lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên hôm nay có thể tiếp tục nắm giữ để tận dụng xu hướng tăng của thị trường.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/1/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.464,49 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần sau đó giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 18,2 điểm (+1,22%) lên 1.510,51 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID tăng 2.750 đồng, GAS tăng 4.700 đồng, TCB tăng 1.950 đồng. Ở chiều ngược lại, DIG giảm 8.300 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 464,91 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 7,97 điểm (-1,65%) xuống 473,64 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO giảm 9.100 đồng, THD giảm 2.100 đồng, IDC giảm 5.700 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS tăng 2.200 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 423,71 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,9 triệu đơn vị. KBC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 135,7 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DXG với 94,9 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 63,4 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 35,21 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 974 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 14,4 tỷ đồng tương ứng với 500,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVI với 5,9 tỷ đồng tương ứng với 125 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PTI là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 673 triệu đồng tương ứng với 11,4 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục khá tốt (+1,22%) sau ba phiên giảm liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là tương đối tốt.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục khá tốt này (+1,22%) thì chỉ số VN-Index đã lấy lại được ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm và điều này giúp cho xu hướng tăng của thị trường được củng cố. Và trong các phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể sẽ hướng đến các mục tiêu cao hơn mà gần nhất là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 13/1, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực gia tăng trở lại thì VN-Index có thể lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### HSBC kỳ vọng tăng trưởng GDP năm 2022 lên mức 6.5%

Trong báo cáo "Vietnam at a glance - Kết thúc có hậu cho một năm khó khăn", các chuyên gia HSBC kỳ vọng Việt Nam lấy lại đà tăng trưởng vững vàng ở mức 6.5% trong năm 2022.



## TIN TRONG NƯỚC

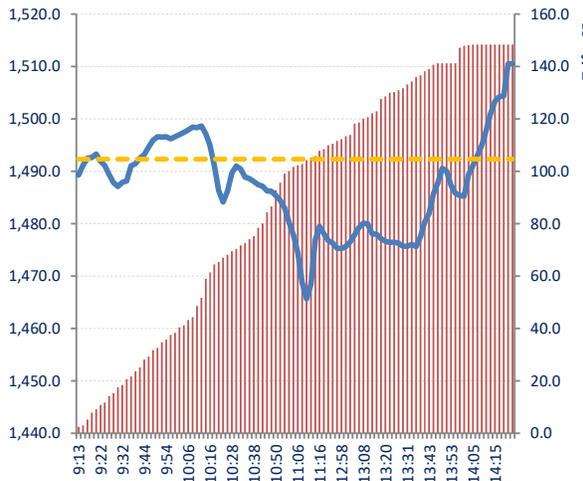
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,95 - 61,6 triệu đồng/lượng, giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 5 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 12/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.110 VND/USD, tăng 5 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

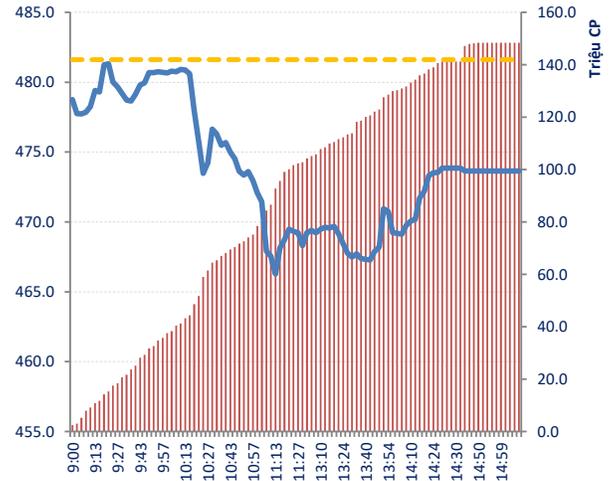
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,95 USD/ounce tương ứng với 0,16% xuống 1.815,5 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,017 điểm tương ứng 0,02% xuống 95,610 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1367 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3628 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,33 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,66 USD/thùng tương ứng với 0,79% lên 81,86 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 10/1, Dow Jones tăng 183,15 điểm tương đương 0,51% lên 36.252,02 điểm. Nasdaq tăng 210,62 điểm tương đương 1,41% lên 15.153,45 điểm. Nasdaq Composite tăng 42,78 điểm tương đương 0,92% lên 4.713,07 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

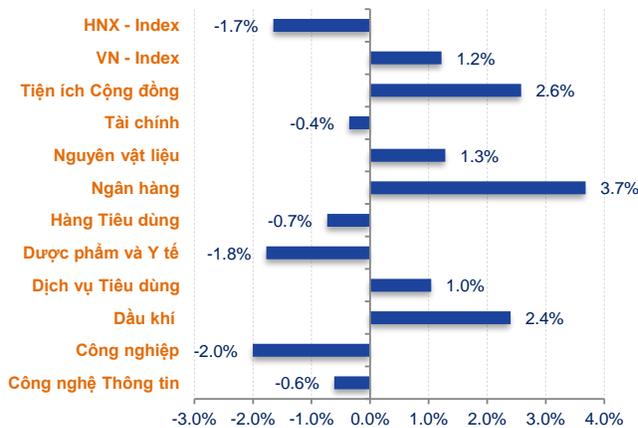
KLGD và VN-Index trong phiên



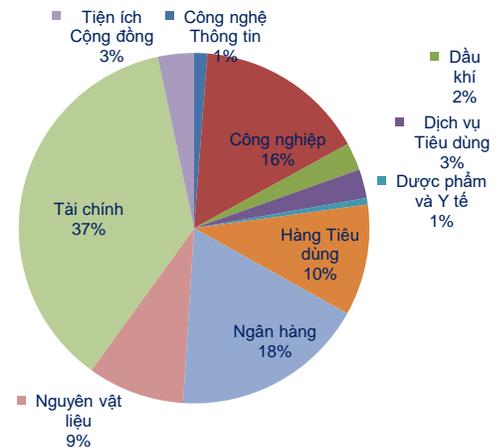
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



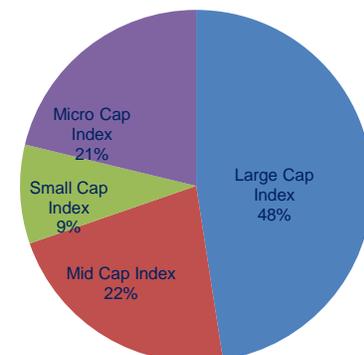
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	2,641,700	CTG	1,904,500
2	KBC	2,430,300	HSG	1,365,000
3	KDH	1,744,800	OCB	1,048,200
4	VHM	833,200	FUEVFNND	810,400
5	VCB	791,500	HCM	785,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	500,900	KVC	58,800
2	TVD	150,400	SD6	56,300
3	MBG	133,600	PVL	32,100
4	PVI	125,000	DL1	22,000
5	SHS	114,600	DST	20,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
STB	32.45	34.70	↑	6.93%	63,047,400
POW	18.65	18.15	↓	-2.68%	43,008,400
HAG	15.25	14.85	↓	-2.62%	41,422,400
HNG	12.90	12.00	↓	-6.98%	35,829,900
GEX	49.35	45.90	↓	-6.99%	28,629,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVS	27.50	28.50	↑	3.64%	11,670,160
CEO	91.60	82.50	↓	-9.93%	11,170,803
SHS	47.10	49.30	↑	4.67%	8,180,000
KLF	9.50	8.60	↓	-9.47%	6,155,419
DL1	15.00	14.10	↓	-6.00%	5,730,453

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BID	39.40	42.15	2.75	↑ 6.98%
TPB	40.20	43.00	2.80	↑ 6.97%
PVD	29.50	31.55	2.05	↑ 6.95%
BAF	53.30	57.00	3.70	↑ 6.94%
STB	32.45	34.70	2.25	↑ 6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LHC	116.00	127.60	11.60	↑ 10.00%
DDG	31.10	34.20	3.10	↑ 9.97%
VLA	42.20	46.40	4.20	↑ 9.95%
QHD	40.30	44.30	4.00	↑ 9.93%
ECI	29.40	32.30	2.90	↑ 9.86%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LDG	27.15	25.25	-1.90	↓ -7.00%
PXI	9.00	8.37	-0.63	↓ -7.00%
SGR	42.20	39.25	-2.95	↓ -6.99%
HQC	10.00	9.30	-0.70	↓ -7.00%
GEX	49.35	45.90	-3.45	↓ -6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L18	81.00	72.90	-8.10	↓ -10.00%
PV2	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
CEO	91.60	82.50	-9.10	↓ -9.93%
OCH	12.10	10.90	-1.20	↓ -9.92%
DNC	61.60	55.50	-6.10	↓ -9.90%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	272.98	13.1%	1,491	80.3	9.1
ACB	94.11	24.9%	3,599	9.1	2.1
GAB	85.39	1.1%	130	1,506.9	16.6
STB	58.48	11.1%	1,864	17.4	1.8
VPB	42.27	21.2%	2,772	12.4	2.4

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-199.72	6.0%	1,505	36.6	2.1
DXG	-156.46	7.5%	1,406	27.0	1.7
KDH	-99.95	13.4%	1,885	28.1	3.5
VHM	-90.13	38.3%	8,968	9.3	3.0
VRE	-68.91	7.2%	954	35.9	2.5

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	5.67	8.4%	2,032	71.3	5.3
LCG	4.77	15.3%	2,123	11.9	1.8
ASM	2.85	8.2%	2,263	10.2	0.8
HSG	2.83	48.0%	8,817	3.9	1.6
HPG	2.55	44.7%	7,085	6.4	2.4

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-9.94	19.2%	2,571	16.2	2.5
HBC	-5.89	2.2%	370	87.5	1.8
IJC	-4.00	23.5%	3,643	9.3	2.2
ITA	-3.96	1.5%	174	103.7	1.5
CTG	-2.80	18.1%	3,439	9.6	1.7

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	61.27	6.0%	1,505	36.6	2.1
DXG	58.17	7.5%	1,406	27.0	1.7
VRE	57.76	7.2%	954	35.9	2.5
CTD	41.78	2.2%	2,426	43.9	0.9
MWG	41.03	24.6%	6,071	21.7	5.0

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-274.92	13.1%	1,491	80.3	9.1
ACB	-94.11	24.9%	3,599	9.1	2.1
GAB	-84.73	1.1%	130	1,506.9	16.6
STB	-71.16	11.1%	1,864	17.4	1.8
VNM	-37.17	31.0%	5,037	16.6	5.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	138.92	6.0%	1,505	36.6	2.1
DXG	98.91	7.5%	1,406	27.0	1.7
KDH	92.73	13.4%	1,885	28.1	3.5
VHM	68.03	38.3%	8,968	9.3	3.0
VCB	64.40	20.4%	4,464	17.8	3.4

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-60.39	18.1%	3,439	9.6	1.7
HSG	-50.44	48.0%	8,817	3.9	1.6
OCB	-28.03	23.9%	3,308	7.9	1.4
HCM	-23.33	19.2%	2,571	16.2	2.5
GMD	-22.77	6.9%	1,554	29.5	2.1



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	63,047,400	11.1%	1,864	17.4	1.8
POW	43,008,400	3250.0%	1,167	16.0	1.3
HAG	41,422,400	-18.4%	(1,220)	-	2.8
HNG	35,829,900	0.7%	51	253.1	1.8
GEX	28,629,500	8.6%	1,754	28.1	2.1

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,670,160	4.6%	1,238	22.2	1.0
CEO	11,170,803	-4.7%	(606)	-	7.3
SHS	8,180,000	25.5%	3,042	15.5	2.4
KLF	6,155,419	0.1%	6	1,563.3	0.9
DL1	5,730,453	2.0%	228	65.8	1.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BID	↑ 7.0%	12.0%	1,975	19.9	2.3
TPB	↑ 7.0%	23.1%	3,144	12.8	1.9
PVD	↑ 6.9%	0.2%	69	430.5	0.9
BAF	↑ 6.9%	13.4%	1,926	27.7	3.0
STB	↑ 6.9%	11.1%	1,864	17.4	1.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LHC	↑ 10.0%	14.5%	10,052	11.5	1.6
DDG	↑ 10.0%	8.1%	871	35.7	2.6
VLA	↑ 10.0%	-12.9%	(1,593)	-	3.6
QHD	↑ 9.9%	14.9%	2,779	14.5	2.1
ECI	↑ 9.9%	12.7%	2,516	11.7	1.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2,641,700	7.5%	1,406	27.0	1.7
KBC	2,430,300	6.0%	1,505	36.6	2.1
KDH	1,744,800	13.4%	1,885	28.1	3.5
VHM	833,200	38.3%	8,968	9.3	3.0
VCB	791,500	20.4%	4,464	17.8	3.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	500,900	4.6%	1,238	22.2	1.0
TVD	150,400	11.7%	1,298	10.1	1.2
MBG	133,600	4.0%	422	38.9	1.6
PVI	125,000	13.2%	4,295	11.1	1.5
SHS	114,600	25.5%	3,042	15.5	2.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	384,327	2.9%	1,111	90.9	2.3
VCB	375,762	20.4%	4,464	17.8	3.4
VHM	364,025	38.3%	8,968	9.3	3.0
HPG	201,729	44.7%	7,085	6.4	2.4
BID	199,306	12.0%	1,975	19.9	2.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	91,035	25.2%	4,694	55.4	15.7
KSF	23,850	8.8%	749	106.1	4.0
CEO	23,572	-4.7%	(606)	-	7.3
IDC	23,160	11.8%	1,805	42.8	4.9
VCS	17,872	41.5%	11,163	10.0	3.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	3.67	8.9%	1,047	36.9	2.9
TLH	2.61	29.0%	4,793	4.0	1.1
DRH	2.53	2.1%	292	126.9	2.6
SMC	2.48	48.2%	16,023	2.6	1.0
CTS	2.45	19.5%	2,677	15.7	2.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.30	3.3%	243	85.5	2.8
L14	3.02	13.6%	1,987	208.7	25.2
PDB	2.87	4.8%	750	31.3	1.5
APS	2.79	22.8%	1,591	22.3	3.0
V21	2.68	1.5%	141	98.8	1.5



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---